

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST;
Ngày 31/7/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hải.

+ Bà Đào Thị Xê.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2018/TLST- HNGĐ ngày 25/5/2018, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 27/6/2018 và quyết định hoãn phiên toà số 18/2018/QĐST ngày 13/7/2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà TTL, sinh năm 1964;

Trú tại: Số 89, Tổ 9, ph- ờng PD, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Có mặt.

***Bị đơn:** Ông NVQ, sinh năm 1965;

Trú tại: Xóm R, xã SĐ, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

Vắng mặt.

***Ng- ời làm chứng:** Bà VTX, sinh năm 1958;

Trú tại: Xóm R, xã S, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Liên trình bày:***

Bà và ông NVQ kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc đ- ợc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, lý do ông Q không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng mỗi ng- ời sống một nơi nh- ng khi gặp nhau thì xảy ra mâu thuẫn, mặc dù không đánh cãi chửi nhau nh- ng tình cảm thì nhạt dần. Năm 2009, bà đã gửi đơn xin ly hôn ông Q tại Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, sau khi Tòa án báo gọi ông Q không đồng ý ly hôn nên bà đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nh- ng thực tế vợ chồng không đoàn tụ đ- ợc. Vợ chồng ông, bà đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn ông Q.

- Về con chung: Bà và ông NVQ có 01 con chung là cháu NHM, sinh ngày 11/8/2003, hiện nay cháu đang ở với bà, khi ly hôn bà xin đ- ợc nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp d- ỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Bị đơn là ông Nguyễn Viết Q đã đ- ợc Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nh- ng vẫn vắng mặt nên không có quan điểm về vụ án.***

****Ng- ời làm chứng là bà VTX là trình bày:***

Bà là chị gái của ông NVQ, năm 2002 bố mẹ bà xây dựng gia đình cho ông Q với bà L. Quá trình ông Q bà Liên chung sống bà thấy họ không hạnh phúc, ông Q ở nhà cùng bố mẹ bà còn bà Liên ở nhà riêng tại quận Bắc Từ Liêm, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức báo gọi ông Q đến làm việc bà có thông báo cho ông Q biết, ông Q xin đ- ợc vắng mặt và đồng ý ly hôn bà L. Về phần con chung, ông Q và bà Liên sinh đ- ợc 1 cháu là NHNM, sinh ngày 11/8/2003, hiện nay cháu M đang ở với bà Liên, nay ông Q nhất trí để bà Liên trực tiếp nuôi d- ỡng con chung, nếu bà Liên không đồng ý thì ông xin được nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản vợ chồng: Ông Q thừa nhận không phát sinh tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về nội dung:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng M được mâu thuẫn giữa bà và ông Nguyễn Viết Q đã tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cho bà L được ly hôn ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu NHN M, sinh ngày 11/8/2003 cho bà TTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi d- ỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà TTL và ông Nguyễn Viết Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”, ông Nguyễn Viết Q có HKTT tại xã SĐ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn là ông Nguyễn Viết Q vắng mặt tại phiên toà nh- ng đã đ- ọc Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Viết Q và bà kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên hai bên đã sống ly thân. Bà L đã gửi đơn xin ly hôn ông Q năm 2009, sau đó rút đơn về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q đã được thông báo hợp lệ về việc đến Tòa án làm việc, nhưng ông Q không chấp hành. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn*

trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác. Như vậy hiện tại bà L và ông Q đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho bà L được ly hôn ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà TTL và ông Nguyễn Viết Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Ngọc M, sinh ngày 11/8/2003, hiện nay cháu M đang do bà Liên nuôi d-ỡng, ông Q không có quan điểm về con chung. Bà Liên xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q cấp d-ỡng nuôi con chung, xét cháu M đang ở ổn định cùng bà L. Do đó xét không cần phải thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tiếp tục giao cháu M cho bà L nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà TTL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đ-ơng sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà , cho bà được ly hôn ông Nguyễn Viết Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà Ngọc M, sinh ngày 11/8/2003 cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ông Nguyễn Viết Q được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008076 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã SĐ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS nhân dân huyện Hoài Đức;
- Chi cục T.H.A. DS huyện Hoài Đức;
- UBND xã;
- Đ- ơng sự
- L- u hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

